

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc ban hành quy định đánh giá kết quả rèn luyện
của sinh viên được đào tạo trình độ đại học hệ chính quy**

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP VIỆT - HUNG

Căn cứ Quyết định số 4993/QĐ-BCT ngày 03 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trường Đại học Công nghiệp Việt - Hung;

Căn cứ Thông tư số 16/2015/TT-BGDĐT ngày 12 tháng 8 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về ban hành Quy chế đánh giá kết quả rèn luyện của người học được đào tạo trình độ đại học hệ chính quy;

Căn cứ Thông tư số 10/2016/TT-BGDĐT ngày 05 tháng 4 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về ban hành Quy chế công tác sinh viên đối với chương trình đào tạo đại học hệ chính quy;

Theo đề nghị của ông Trưởng phòng Thanh tra giáo dục và công tác học sinh, sinh viên.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định đánh giá kết quả rèn luyện của sinh viên hệ đại học chính quy trường Đại học Công nghiệp Việt - Hung.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ năm học 2021 - 2022; thay thế quyết số 455/QĐ-ĐHVH ngày 26/12/2018 của Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghiệp Việt - Hung.

Điều 3. Trưởng các khoa đào tạo, các đơn vị chức năng liên quan, GVCN và sinh viên hệ đại học chính quy trong toàn trường chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. *ly*

Nơi nhận:

- Hiệu trưởng, các Phó HT;
- Như điều 3;
- Lưu: VT; TTGD&CTHSSV. *Pr*



HIỆU TRƯỞNG

TS. Nguyễn Đức Trí

Hà Nội, ngày 06 tháng 7 năm 2021

QUY ĐỊNH

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ RÈN LUYỆN CỦA SINH VIÊN ĐƯỢC ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY

(Ban hành kèm theo quyết định số 248 /QĐ-ĐHVH ngày 06 tháng 7 năm 2021
của Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghiệp Việt - Hung)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Văn bản này quy định việc đánh giá kết quả rèn luyện của sinh viên đang được đào tạo trình độ đại học hệ chính quy bao gồm: Những quy định chung; các tiêu chí đánh giá và khung điểm; phân loại đánh giá và quy trình đánh giá; tổ chức đánh giá và sử dụng kết quả đánh giá; tổ chức thực hiện.

2. Quy định này áp dụng đối với các đơn vị, cá nhân có liên quan và sinh viên đang được đào tạo trình độ đại học tại Trường Đại học Công nghiệp Việt - Hung.

Điều 2. Nguyên tắc đánh giá kết quả rèn luyện của người học

1. Bám sát phương châm, quan điểm của Nhà trường về người học;
2. Thực hiện nghiêm túc quy trình và các tiêu chí đánh giá được quy định tại quy chế này; đảm bảo khách quan, công khai, công bằng, chính xác.

3. Đảm bảo yếu tố bình đẳng, dân chủ, tôn trọng quyền làm chủ của sinh viên được đánh giá.

4. Phối hợp đồng bộ, chặt chẽ các bộ phận, các đơn vị có liên quan thuộc trường Đại học Công nghiệp Việt - Hung tham gia đánh giá kết quả rèn luyện của sinh viên.

Điều 3. Nội dung đánh giá và thang điểm

1. Xem xét, đánh giá kết quả rèn luyện của sinh viên là đánh giá phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống, của từng sinh viên theo các mức điểm đạt được trên các mặt:

- Ý thức và kết quả học tập, tham gia NCKH, thi sinh viên giỏi, thi Olympic;
- Ý thức và kết quả chấp hành quy chế các nội quy, quy định của nhà trường;
- Ý thức tham gia các hoạt động chính trị - xã hội, văn hoá, văn nghệ, thể dục thể thao, phòng chống các tệ nạn xã hội;
- Phẩm chất công dân và quan hệ với cộng đồng; ý thức chấp hành chủ trương chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, các quy định nơi cư trú;
- Ý thức và kết quả tham gia phụ trách đối với lớp, đoàn, hội; ý thức trách nhiệm là thành viên trong tập thể.

2. Điểm rèn luyện được đánh giá bằng thang điểm 100 và được phân chia theo các tiêu chí ở chương II.

Chương II

CÁC TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ VÀ KHUNG ĐIỂM

Điều 4. Đánh giá về ý thức tham gia học tập

1. Các tiêu chí để xác định điểm đánh giá:

- a) Ý thức và thái độ trong học tập;
- b) Ý thức và thái độ tham gia các câu lạc bộ học thuật, các hoạt động học thuật, hoạt động ngoại khóa, hoạt động nghiên cứu khoa học;
- c) Ý thức và thái độ tham gia các kỳ thi, cuộc thi;
- d) Tinh thần vượt khó, phấn đấu vươn lên trong học tập;
- đ) Kết quả học tập.

2. Khung điểm đánh giá từ 0 đến 20 điểm.

Điều 5. Đánh giá về ý thức chấp hành nội quy, quy chế, quy định trong Nhà trường.

1. Các tiêu chí để xác định điểm đánh giá:

- a) Ý thức chấp hành các văn bản chỉ đạo của ngành, của cơ quan chỉ đạo cấp trên được thực hiện trong cơ sở giáo dục đại học;
- b) Ý thức chấp hành các nội quy, quy chế và các quy định khác được áp dụng trong cơ sở giáo dục đại học.

2. Khung điểm đánh giá từ 0 đến 25 điểm.

Điều 6. Đánh giá về ý thức tham gia các hoạt động chính trị, xã hội, văn hóa, văn nghệ, thể thao, phòng chống tội phạm và các tệ nạn xã hội

1. Các tiêu chí để xác định điểm đánh giá:

- a) Ý thức và hiệu quả tham gia các hoạt động rèn luyện về chính trị, xã hội, văn hóa, văn nghệ, thể thao;
- b) Ý thức tham gia các hoạt động công ích, tình nguyện, công tác xã hội;
- c) Tham gia tuyên truyền, phòng chống tội phạm và các tệ nạn xã hội.

2. Khung điểm đánh giá từ 0 đến 20 điểm.

Điều 7. Đánh giá về ý thức công dân trong quan hệ cộng đồng

1. Các tiêu chí để xác định điểm đánh giá:

- a) Ý thức chấp hành và tham gia tuyên truyền các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước trong cộng đồng;
- b) Ý thức tham gia các hoạt động xã hội có thành tích được ghi nhận, biểu dương, khen thưởng;
- c) Có tinh thần chia sẻ, giúp đỡ người thân, người có khó khăn, hoạn nạn.

2. Khung điểm đánh giá từ 0 đến 25 điểm.

Điều 8. Đánh giá về ý thức và kết quả khi tham gia công tác cán bộ lớp, các đoàn thể, tổ chức trong Nhà trường hoặc người học đạt được thành tích đặc biệt trong học tập, rèn luyện

1. Các tiêu chí để xác định điểm đánh giá:

a) Ý thức, tinh thần, thái độ, uy tín và hiệu quả công việc của người học được phân công nhiệm vụ quản lý lớp, các tổ chức Đảng, Đoàn thanh niên, Hội sinh viên và các tổ chức khác trong cơ sở giáo dục đại học;

b) Kỹ năng tổ chức, quản lý lớp, quản lý các tổ chức Đảng, Đoàn thanh niên, Hội sinh viên và các tổ chức khác trong cơ sở giáo dục đại học;

c) Hỗ trợ và tham gia tích cực vào các hoạt động chung của lớp, tập thể, khoa và cơ sở giáo dục đại học;

d) Người học đạt được các thành tích đặc biệt trong học tập, rèn luyện.

2. Khung điểm đánh giá từ 0 đến 10 điểm.

Điều 9. Quy định điểm cộng của sinh viên (phụ lục 1 đính kèm)

Chương III

PHÂN LOẠI ĐÁNH GIÁ VÀ QUY TRÌNH ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ RÈN LUYỆN

Điều 10. Phân loại kết quả rèn luyện

1. Kết quả rèn luyện được phân thành các loại: xuất sắc, tốt, khá, trung bình, yếu và kém.

2. Phân loại kết quả rèn luyện:

- | | | |
|----|------------------------|-----------------|
| a) | Từ 90 đến 100 điểm | loại xuất sắc |
| b) | Từ 80 đến dưới 90 điểm | loại tốt |
| c) | Từ 65 đến dưới 80 điểm | loại khá |
| d) | Từ 50 đến dưới 65 điểm | loại trung bình |
| đ) | Từ 35 đến dưới 50 điểm | loại yếu |
| e) | Dưới 35 điểm | loại kém. |

Điều 11. Phân loại để đánh giá

1. Trong thời gian sinh viên bị kỷ luật mức khiển trách, khi đánh giá kết quả rèn luyện không vượt quá loại khá;

2. Trong thời gian sinh viên bị kỷ luật mức cảnh cáo. Khi đánh giá kết quả rèn luyện không vượt quá loại trung bình;

3. Sinh viên bị kỷ luật mức đình chỉ học tập không được đánh giá rèn luyện trong thời gian bị đình chỉ;

4. Sinh viên bị kỷ luật mức buộc thôi học không được đánh giá kết quả rèn luyện;

5. Những sinh viên hoàn thành chương trình học và tốt nghiệp chậm so với quy định của khóa học thì tiếp tục được đánh giá kết quả rèn luyện trong thời gian đang hoàn thành bổ sung chương trình học và tốt nghiệp, tùy thuộc vào nguyên nhân để quy định mức đánh giá rèn luyện tại kỳ bổ sung;

6. Sinh viên khuyết tật, tàn tật, mồ côi cả cha lẫn mẹ hoặc cha hoặc mẹ, hoàn cảnh gia đình đặc biệt khó khăn có xác nhận của địa phương theo quy định đối với những hoạt động rèn luyện không có khả năng tham gia hoặc đáp ứng yêu cầu chung thì được ưu tiên, động viên, khuyến khích, cộng điểm khi đánh giá kết quả rèn luyện qua sự nỗ lực và tiến bộ của sinh viên tùy thuộc vào đối tượng và hoàn cảnh cụ thể;

7. Sinh viên nghỉ học tạm thời được bảo lưu kết quả rèn luyện sẽ được đánh giá kết quả rèn luyện khi tiếp tục trở lại học tập theo quy định;

8. Sinh viên học đồng thời hai chương trình đào tạo sẽ được đánh giá kết quả rèn luyện tại khoa quản lý chương trình thứ nhất và lấy ý kiến nhận xét của khoa quản lý chương trình thứ hai làm căn cứ, cơ sở để đánh giá thêm. Trong trường hợp chương trình thứ nhất đã hoàn thành thì khoa quản lý chương trình thứ hai sẽ tiếp tục đánh giá kết quả rèn luyện của sinh viên;

9. Sinh viên chuyển trường được sự đồng ý của Hiệu trưởng hai cơ sở giáo dục đào tạo thì được bảo lưu kết quả rèn luyện của cơ sở giáo dục đại học cũ khi học tại cơ sở giáo dục đại học mới và tiếp tục được đánh giá kết quả rèn luyện ở các kỳ học tiếp theo.

Điều 12. Quy trình đánh giá kết quả rèn luyện học kỳ.

1. Trên cơ sở kết quả hoạt động của sinh viên, GVCN và các đơn vị có liên quan cập nhật điểm rèn luyện của sinh viên trên hệ thống phần mềm quản lý nhà trường.

2. Căn cứ vào kết quả tham gia hoạt động rèn luyện, sinh viên tự kiểm tra điểm đánh giá rèn luyện trên hệ thống quản lý Nhà trường theo các tiêu chí và khung điểm được quy định tại Chương II Quy định này.

3. Cuối mỗi học kỳ, GVCN tổ chức họp lớp rà soát, giải quyết những vướng mắc (nếu có), xem xét những trường hợp được quy định tại Điều 11 Quy định này; công bố điểm rèn luyện học kỳ; thiết lập biên bản gửi Hội đồng đánh giá điểm rèn luyện cấp khoa.

4. Hội đồng đánh giá cấp khoa họp xét, thống nhất, báo cáo Trường khoa thông qua và trình kết quả lên Hội đồng đánh giá kết quả rèn luyện sinh viên cấp trường.

5. Hội đồng cấp trường họp xét; công khai kết quả đánh giá, phân loại rèn luyện của sinh viên trong thời gian 7 ngày làm việc.

6. Phòng Thanh tra Giáo dục và CTSV tổng hợp sau công khai, trình Hiệu trưởng ký quyết định công nhận kết quả đánh giá điểm rèn luyện học kỳ.

Chương IV

TỔ CHỨC ĐÁNH GIÁ VÀ SỬ DỤNG KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ

Điều 13. Hội đồng đánh giá kết quả rèn luyện

1. Hiệu trưởng ban hành Quyết định thành lập Hội đồng đánh giá kết quả rèn luyện của sinh viên theo năm học và chấm dứt hoạt động khi kết thúc năm học.

2. Hội đồng cấp Trường:

a) Thành phần:

- Hiệu trưởng hoặc Phó hiệu trưởng	Chủ tịch hội đồng
- Trưởng phòng TTGD&CTHSSV	Thường trực
- Bí thư Đoàn TNCSHCM	Ủy viên
- Trưởng phòng Quản lý đào tạo	Ủy viên
- Trưởng hoặc phó trưởng khoa	Ủy viên
- Chuyên viên phòng TTGD&CTSV	Thư ký Hội đồng

b) Nhiệm vụ của Hội đồng cấp trường:

- Chịu sự chỉ đạo trực tiếp của Hiệu trưởng; tư vấn giúp Hiệu trưởng xem xét, công nhận kết quả rèn luyện của từng sinh viên;
- Căn cứ vào các quy định hiện hành, trên cơ sở đề nghị của các trưởng khoa, hội đồng tiến hành xem xét, đánh giá kết quả rèn luyện của từng khoa đề nghị Hiệu trưởng công nhận.

3. Hội đồng cấp Khoa:

a) Thành phần:

- Trưởng khoa hoặc Phó trưởng khoa	Chủ tịch hội đồng
- Trợ lý khoa hoặc giảng viên được phân công	Thư ký
- GVCN các lớp Ủy viên	Ủy viên
- Bí thư Liên chi đoàn khoa	Ủy viên
- Lớp trưởng các lớp	Ủy viên

b) Nhiệm vụ của Hội đồng cấp khoa

- Có nhiệm vụ giúp trưởng khoa xem xét, đánh giá kết quả rèn luyện của từng sinh viên thuộc khoa đảm bảo chính xác, công bằng, công khai và dân chủ theo đúng nội dung của Quy định này.
- Căn cứ vào Quy định hiện hành, trên cơ sở đề nghị của GVCN, hội đồng tiến hành xem xét, đánh giá kết quả rèn luyện của từng lớp, đề nghị Trưởng khoa công nhận.
- Sau khi có kết luận chính thức của Hội đồng cấp khoa, khoa chuyển kết quả đánh giá điểm rèn luyện của sinh viên về Phòng TTGD&CTSV kiểm tra, rà soát trình Hội đồng cấp trường.

Điều 14. Cách đánh giá điểm rèn luyện

1. Việc đánh giá kết quả rèn luyện của sinh viên được tiến hành từng học kỳ, năm học và khóa học.

Thời gian tổng hợp, đánh giá chậm nhất 15 ngày làm việc sau khi kết thúc học kỳ, năm học, khóa học.

2. Điểm rèn luyện của học kỳ là tổng điểm đạt được của 5 nội dung đánh giá chi tiết được quy định tại phụ lục 1.

3. Điểm rèn luyện của năm học là trung bình cộng của điểm rèn luyện các học kỳ của năm học đó.

4. Điểm rèn luyện toàn khóa học là trung bình cộng của điểm rèn luyện các học kỳ hoặc năm học của khóa học.

Điều 15. Sử dụng kết quả đánh giá điểm rèn luyện

1. Kết quả đánh giá rèn luyện từng học kỳ, năm học của sinh viên được lưu trong hồ sơ quản lý sinh viên của trường, được sử dụng trong việc xét duyệt học bổng, xét khen thưởng, kỷ luật, xét thôi học, ngừng học, xét giải quyết việc làm thêm, xét miễn giảm chi phí, dịch vụ và sinh hoạt trong ký túc xá và các ưu tiên khác tùy theo quy định của nhà trường.

2. Kết quả đánh giá rèn luyện toàn khóa học của người học được lưu trong hồ sơ quản lý sinh viên của Trường; làm căn cứ để xét thi tốt nghiệp, làm luận văn hoặc khóa luận tốt nghiệp.

3. Kết quả đánh giá rèn luyện toàn khóa học được ghi chung vào bảng điểm kết quả học tập và lưu trong hồ sơ của sinh viên khi tốt nghiệp ra trường.

4. Sinh viên có kết quả rèn luyện xuất sắc được Nhà trường xem xét biểu dương, khen thưởng.

5. Sinh viên bị xếp loại rèn luyện yếu, kém trong hai học kỳ liên tiếp thì phải tạm ngừng học ít nhất một học kỳ ở học kỳ tiếp theo và nếu bị xếp loại rèn luyện yếu, kém hai học kỳ liên tiếp lần thứ hai thì sẽ bị buộc thôi học.

Điều 16. Quyền khiếu nại

1. Sinh viên có quyền khiếu nại về kết quả đánh giá kết quả rèn luyện lên Hội đồng đánh giá cấp trường thông qua Phòng TTGD&CTSV để giải quyết và trả lời theo quy định hiện hành.

2. Thời gian khiếu nại phải được thực hiện trong thời hạn 7 ngày làm việc kể từ ngày công khai kết quả xét của hội đồng cấp trường.

Chương V**TỔ CHỨC THỰC HIỆN****Điều 17. Tổ chức thực hiện**

1. Phòng TTGD&CTSV chịu trách nhiệm triển khai, hướng dẫn các tổ chức, đơn vị, cá nhân có liên quan thực hiện Quy định này. Kết thúc năm học đánh giá, tổng kết báo cáo kết quả thực hiện về Bộ Giáo dục và Đào tạo.

2. Trường các phòng chức năng, trung tâm có liên quan, đoàn thanh niên có trách nhiệm triển khai nội dung, tiêu chí đánh giá theo Phụ lục 1 Quy định này và cập nhật điểm đánh giá lên hệ thống phần mềm quản lý nhà trường.

3. Trường khoa chịu trách nhiệm trước Hiệu trưởng về kết quả đánh giá điểm rèn luyện sinh viên thuộc khoa; chỉ đạo hội đồng cấp khoa, giáo viên chủ nhiệm đánh giá khách quan, công bằng, công khai; giải quyết những đề xuất, kiến nghị của sinh viên về kết quả đánh giá.

4. Giáo viên chủ nhiệm hướng dẫn sinh viên nội dung, tiêu chí đánh giá và khung điểm; phối hợp các đơn vị, cá nhân có liên quan cập nhật điểm đánh giá các hoạt động của sinh viên lên hệ thống phần mềm quản lý nhà trường; tổng hợp, thông báo điểm rèn luyện tích lũy hằng tháng của từng sinh viên; cảnh báo những sinh viên có điểm rèn luyện tích lũy yếu, kém.

5. Trách nhiệm của sinh viên: nghiên cứu nội dung, tiêu chí đánh giá và khung điểm; chủ động tham gia các hoạt động có tính điểm rèn luyện được quy định trong Phụ lục đính kèm Quy định này; kiểm tra điểm rèn luyện tích lũy trên hệ thống phần mềm quản lý; kịp thời phản ánh với giáo viên chủ nhiệm những sai sót (nếu có).

Điều 18. Điều khoản thi hành

Quy định này được áp dụng kể từ năm học 2021-2022. Việc điều chỉnh, bổ sung các nội dung do Hiệu trưởng quyết định. / *q*

HIỆU TRƯỞNG*phước*
*TS. Nguyễn Đức Trí

Phụ lục 1
CÁC NỘI DUNG CỤ THỂ ĐÁNH GIÁ ĐIỂM RÈN LUYỆN
SINH VIÊN THEO TỪNG HỌC KỲ

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-ĐHVH ngày tháng năm 2021
của Hiệu trưởng trường Đại học Công nghiệp Việt - Hưng)

TT	TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ	Thang điểm	Mã tiêu chí	Trách nhiệm thực hiện
I.	Điều 4. Đánh giá về ý thức tham gia học tập	0 → 20	D4	
1	Ý thức và thái độ trong học tập		D41	
-	Đi học đầy đủ, đúng giờ, thái độ học tập tích cực	10đ/học kỳ	D411	Mặc định trên phần mềm
2	Ý thức và thái độ tham gia các cuộc thi, kỳ thi		D42	
-	Chấp hành tốt quy chế thi cử, kiểm tra đánh giá môn học	03đ/học kỳ	D422	Mặc định trên phần mềm
3	Kết quả học tập		D43	
-	Kết quả học tập đạt loại:			Cập nhật tự động trên phần mềm
	+ Xuất sắc	10đ/học kỳ	D431	
	+ Giỏi trở lên	09đ/học kỳ	D432	
	+ Khá	08đ/học kỳ	D433	
	+ Trung bình	07đ/học kỳ	D434	
	+ Yếu, kém	03đ/học kỳ	D435	
4	Điểm trừ			
-	Vi phạm quy chế thi cử, kiểm tra đánh giá môn học, không tham gia sinh hoạt chủ nhiệm (không có lý do chính đáng)	04đ/lần/học kỳ	DT441	- TTKT&ĐBCL theo dõi cập nhật biên bản SV vi phạm các môn thi trắc nghiệm; - Tổ bộ môn các khoa cập nhật biên bản vi phạm các môn thi tự luận - GVCN cập nhật
-	Nghỉ học không phép	02đ/lần/học kỳ	DT442	Khoa chủ quản cập nhật
II.	Điều 5. Đánh giá về ý thức và kết quả chấp hành nội quy, quy chế trong nhà trường	0 → 25	D5	
1	Ý thức chấp hành các văn bản chỉ đạo của ngành, cơ quan chỉ đạo cấp trên được thực hiện trong Nhà trường		D51	
-	Thực hiện tốt các nội dung liên quan đến người học trong các văn bản pháp luật do cơ quan Nhà nước ban hành (<i>Luật Giáo dục, Luật Bảo hiểm, Luật Nghĩa vụ quân sự...</i>)	10đ/học kỳ	D511	Mặc định trên phần mềm
2	Ý thức chấp hành quy chế, nội quy, quy định của Nhà trường		D52	
-	Nghiêm túc chấp hành nội quy, quy chế, quy định của Nhà trường	10đ/học kỳ	D521	Mặc định trên phần mềm
-	Tham gia đầy đủ các buổi học tập nội quy, quy chế, quy định do Nhà trường tổ chức	05đ/học kỳ	D522	Mặc định trên phần mềm
3	Điểm trừ		DT53	Phòng
-	Vi phạm nội quy, quy chế, quy định của các đơn vị trong Nhà trường dưới mức kỷ luật (<i>trừ những vi phạm nội quy, quy định đã bị trừ điểm ở các mục khác</i>)	02đ/lần/học kỳ	DT531	TTGD&CTHSSV thực hiện cập nhật (các đơn vị chuyển danh sách hoặc biên bản SV vi

-	Không tham gia đầy đủ các buổi học tập nội quy, quy chế, quy định do Nhà trường tổ chức	05đ/học kỳ	DT532	phạm cho Phòng TTGD&CTHSSV)
-	Không tham gia khám sức khoẻ đầu khoá	10đ/học kỳ	DT533	TT Y tế tổng hợp danh sách gửi cho khoa cập nhật
-	Không đóng học phí và các khoản phí không đúng hạn	15đ/học kỳ	DT534	Phòng TC-KT cập nhật
-	Thiếu trung thực trong việc tự đánh giá	25đ/học kỳ	DT535	Khoa chủ quản cập nhật
III.	Điều 6. Đánh giá về ý thức và kết quả tham gia các hoạt động chính trị-xã hội, văn hóa, văn nghệ, thể thao và phòng chống tệ nạn xã hội	0 → 20	D6	
1	Ý thức và hiệu quả tham gia các hoạt động về chính trị, xã hội, văn hoá, văn nghệ, thể thao (có xác nhận của đơn vị tổ chức)		D61	Khoa chủ quản cập nhật
-	Tham gia các hoạt động rèn luyện (chính trị, xã hội, văn hóa, văn nghệ, thể thao) do cấp khoa, cấp trường tổ chức	04đ/đợt	D611	Khoa chủ quản cập nhật
-	Tham gia hỗ trợ, cổ vũ cho các hoạt động, các cuộc thi học thuật, văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao do khoa hoặc nhà trường tổ chức	02đ/đợt/chương trình/hoạt động	D612	Khoa chủ quản cập nhật
2	Ý thức tham gia các hoạt động công ích, tình nguyện (có xác nhận của đơn vị tổ chức)		D62	
-	Tham gia một trong các hoạt động tình nguyện (mùa hè Thanh niên tình nguyện, mùa hè xanh, hoạt động hè ở địa phương, lao động, ngày T7; CN tình nguyện...) trong Nhà trường và ngoài xã hội	10đ/đợt	D621	Khoa chủ quản cập nhật
-	Tham gia hiến máu nhân đạo	04đ/lần	D622	
3	Tham gia hoạt động tuyên truyền, phòng chống tội các hiện tượng tiêu cực và các tệ nạn xã hội trong Nhà trường và ngoài xã hội	02đ/lần	D63	Khoa chủ quản cập nhật
4	Điểm trừ		DT64	
-	Đăng ký nhưng không tham gia	02đ/lần	DT641	Khoa chủ quản cập nhật
-	Có hành vi làm cản trở cá nhân, tập thể tham gia vào các hoạt động trên	10đ/lần	DT642	Khoa chủ quản cập nhật
IV	Điều 7. Đánh giá về phẩm chất công dân và quan hệ với cộng đồng	0 → 25	D7	
1	Ý thức chấp hành và tham gia tuyên truyền các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước trong cộng đồng	25đ/học kỳ	D71	Mặc định trên phần mềm
2	Điểm trừ		DT72	
-	Bị gửi công văn, giấy phạt, thông báo, biên bản về hành vi vi phạm pháp luật, gây mất trật tự, an toàn xã hội, an toàn giao thông cơ quan chức năng	25đ/lần/học kỳ	DT721	P. TTGD&CTHSSV cập nhật
-	Bị cảnh cáo trước lớp, khoa (kèm biên bản) do có hành vi gây bất hòa, chia rẽ trong nội bộ lớp, khoa	10đ/lần/học kỳ	DT722	Khoa chủ quản cập nhật
V	Điều 8. Đánh giá về ý thức và kết quả tham gia công tác phụ trách lớp, các đoàn thể, tổ	0 → 10	D8	

	chức trong nhà trường hoặc đạt được thành tích đặc biệt trong học tập, rèn luyện của sinh viên			
1	Ý thức, tinh thần, thái độ uy tín và hiệu quả công việc của người học được phân công nhiệm vụ quản lý lớp, tổ chức Đảng, Đoàn Thanh niên, và các tổ chức khác trong Nhà trường		D81	- Khoa chủ quản đánh giá BCS lớp; - Đoàn TN nhà trường đánh giá đối với BCH Đoàn và các tổ chức khác
-	Thành viên Ban cán sự lớp (BCS), Ban Chấp hành (BCH) Đoàn và các tổ chức khác:			
-	+ Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ	08đ/học kỳ	D811	
-	+ Hoàn thành tốt nhiệm vụ	07đ/học kỳ	D812	
-	+ Hoàn thành nhiệm vụ	06đ/học kỳ	D813	
2	Có kỹ năng tổ chức, quản lý lớp, quản lý các tổ chức Đảng, Đoàn Thanh niên và các tổ chức khác trong Nhà trường		D82	
-	Có kỹ năng tập hợp các thành viên trong tập thể; có phương pháp làm việc khoa học, hiệu quả	02đ/học kỳ	D821	
3	Hỗ trợ và tham gia tích cực các hoạt động chung của lớp, tập thể khoa và Nhà trường		D83	
-	SV tích cực hỗ trợ và tham gia các tổ chức các hoạt động chung của lớp, tập thể, khoa và Nhà trường (<i>có xác nhận của đơn vị tổ chức</i>)	08đ/học kỳ	D831	Khoa chủ quản đánh giá
4	Điểm trừ		DT84	
-	Thành viên BCS lớp, BCH Đoàn (các cấp), Câu lạc bộ không hoàn thành nhiệm vụ	08đ/học kỳ	DT841	Khoa chủ quản và Đoàn TN
-	SV không tham gia các hoạt động, sự kiện của lớp, khoa và của Nhà trường khi được điều động, yêu cầu	08đ/đợt/học kỳ	DT842	Khoa chủ quản và Đoàn TN
-	Có hành vi gian lận trong các cuộc thi, hội thi, hội diễn (hoạt động rèn luyện)	10đ/học kỳ	DT843	Khoa chủ quản và Đoàn TN
VI Điểm thưởng trong học kỳ				
1	Tham gia hoạt động nghiên cứu khoa học, ý tưởng, dự án khởi nghiệp (<i>có đề tài đã được nghiệm thu, bài báo khoa học, tham luận, báo cáo chuyên đề tại hội thảo khoa học, ý tưởng, dự án khởi nghiệp</i>)	10đ/đề tài, bài, ý tưởng, dự án/học kỳ	ĐT1	Khoa chủ quản cập nhật
2	SV hoàn cảnh khó khăn (<i>thuộc đối tượng quy định tại Khoản 7, Điều 10</i>) có tinh thần vượt khó trong học tập, có kết quả học tập đạt loại khá trở lên	03đ/học kỳ	ĐT2	Khoa chủ quản cập nhật

3	SV được xét kết nạp Đảng	05đ/học kỳ	ĐT3	Đoàn TN cập nhật
4	SV có điểm trung bình tích lũy tăng hơn học kỳ trước:		ĐT4	Phản mềm tự cập nhật
	+ Từ 0,2 đến dưới 0,3	01đ/học kỳ	ĐT41	
	+ Từ 0,3 đến dưới 0,6	02đ/học kỳ	ĐT42	
	+ Tăng từ 0,6 trở lên	03đ/học kỳ	ĐT43	
5	SV có thành tích được tặng giấy khen, bằng khen		ĐT5	Khoa chủ quản cập nhật
	+ Cấp trường	05đ/học kỳ	ĐT51	
	+ Cấp tỉnh/thành phố	06đ/học kỳ	ĐT52	
	+ Cấp Trung ương	08đ/học kỳ	ĐT53	
6	Tham gia các Câu lạc bộ chuyên môn, học thuật hoặc các hoạt động ngoại khóa do khoa, Nhà trường tổ chức	03đ/chương trình/học kỳ	ĐT6	Khoa chủ quản theo dõi, cập nhật
7	Tham gia các hoạt động quyên góp, ủng hộ các chương trình từ thiện, giữ gìn trật tự trong Nhà trường	03đ/chương trình/học kỳ	ĐT7	Đoàn TN cập nhật
8	Có tinh thần chia sẻ, giúp đỡ người gặp khó khăn, hoạn nạn	04đ/học kỳ	ĐT8	Đoàn TN cập nhật
9	Tham gia đầy đủ các buổi sinh hoạt do lớp, khoa, nhà trường tổ chức	01đ/học kỳ	ĐT9	Khoa chủ quản theo dõi, cập nhật
10	Tích cực tham gia sinh hoạt Đảng, Đoàn và đóng đảng, đoàn phí đúng thời gian quy định	02đ/học kỳ	ĐT10	Đoàn TN cập nhật
Tổng số điểm		100 Điểm		